

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/DSPT

Ngày 18/5/2017

Về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” và “*Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Luyện

Ông Nguyễn Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nghiêm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18/5/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2017/TLPT-DS ngày 13/3/2017 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” và “*Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2016/DSST ngày 26/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2017/QĐ-PT ngày 03/5/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Chăm Lía Mơ N, sinh năm 1953.

Địa chỉ: thôn G, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*có mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền: bà Chăm Lía Mơ T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: thôn G, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Lâm Thế N – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (*có mặt*).

2. Các đồng bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959 (*kháng cáo, có mặt*).

2.2. Ông Dzango Nguyễn Duy L, sinh năm 1981

2.3. Ông Dzango Nguyễn Minh T, sinh năm 1991

2.4. Bà Dzango A, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2.5. Bà Dzango Nguyễn A Dam S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của các đồng bị đơn: Bà Dzango Nguyên A Dam S (*có mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đoàn Văn H – Phó Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

3.2. Ông Chăm Lía Ha T, sinh năm 1978

3.3. Ông Chăm Lía Ha X, sinh năm 1981

3.4. Ông Chăm Lía Huỳnh C, sinh năm 1985

3.5. Bà Chăm Lía Thanh L, sinh năm 1980

3.6. Bà Chăm Lía Mơ T, sinh năm 1972 (*có mặt*).

Cùng địa chỉ: thôn G, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Ông T, ông X, ông C, bà L ủy quyền cho bà Chăm Lía Mơ T tham gia tố tụng).

3.7 Ông Nguyễn Toàn Q, sinh năm 1976.

3.8 Bà Trần Thị H, sinh năm 1975 (*có mặt*).

Cùng địa chỉ: thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Ông Q ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Chăm Lía Mơ T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn – ông Lâm Thế N trình bày:

Cha mẹ bà Chăm Lía Mơ T là ông Ya Ngõ Ha T (*ông T chết năm 2007, không để lại di chúc*) và bà Chăm Lía Mơ N. Cha mẹ bà T sinh được 05 người con: Chăm Lía Ha T, Chăm Lía Ha X, Chăm Lía Huỳnh C, Chăm Lía Thanh L và bà Chăm Lía Mơ T. Nguyên trước đây ông T, bà N được cha mẹ ruột tặng cho 01 lô đất, diện tích tự kê khai khoảng 5.600m² tại thôn T, xã L, huyện N và ngày 21/7/1994 đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số D077717 gồm các thửa: Thửa số 158 diện tích 3.000m², thửa số 159 diện tích 1.500m² và thửa số 160 diện tích 100m². Đến năm 1995, cha bà T có cho ông Dzango Gia L 100m² đất tại thửa số 160 để làm nhà ở (*Không làm giấy tờ, chỉ nói bằng miệng*). Đến năm 2010, ông L đã làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 100m² của thửa số 160 và lấy một phần đất trong các thửa số 158, 159 của gia đình bà T để xin cấp GCNQSDĐ và ngày 08/3/2010 ông L và vợ là bà Nguyễn Thị S đã được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ số BA 248776 với diện tích là 391,4m² (*Nay là thửa số 158, 159 và 160*). Sau đó ông L và bà S đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Toàn Q diện tích đất là 184m², thuộc thửa số 158, tờ bản đồ số 138. Vợ chồng bà H đã xây nhà ở.

Bà T yêu cầu hộ bà S, bà H và ông Q phải trả lại diện tích 184m² đất thuộc thửa số 158, tờ bản đồ số 138 thôn T, xã L, huyện N; hủy GCNQSDĐ số BA 248776 do UBND huyện N cấp ngày 08/3/2010 cho hộ ông L; buộc bà H, ông Q phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất gồm: 01 căn nhà gỗ tạp, lợp tol diện tích 12,48m², mái tol diện tích 57,52m² và 01 căn nhà xây cấp 4c diện tích 35,2m² để trả lại mặt bằng đất cho bà N.

Bị đơn và đại diện theo ủy quyền của các đồng bị đơn – bà Dzango Nguyễn A Dam S Trình bày:

Cha mẹ bà là ông Dzango Gia L và bà Nguyễn Thị S. Cha, mẹ bà có 04 người con là ông Dzango Nguyễn Duy L, ông Dzango Nguyễn Minh T, bà Dzango A và bà. Năm 2012 cha bà chết không để lại di chúc. Vào năm 1991, cha mẹ bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông T và bà N 01 thửa đất diện tích khoảng 200m² tại thôn T, xã L, huyện N với giá tiền là 400.000đồng, đồng thời cha mẹ bà có trao đổi 01 thửa đất ruộng diện tích 1.300m² tại Cầu Máng 4, thôn T, xã L để lấy phần đất trũng và 07m ngang đất (*Nay là thửa số 158, tờ bản đồ số 138*) của ông T và bà S. Năm 2003, cha mẹ bà sang nhượng lại cho ông Q và bà H diện tích đất chiều rộng là 07m, chiều dài khoảng 25m. Sau đó, vợ chồng bà H đã xây dựng nhà ở vào tháng 02/2007, khi đó ông T còn sống nhưng không có ý kiến phản đối gì. Đến năm 2010, cha mẹ bà đã làm thủ tục và ngày 08/3/2010 được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ số BA 248776 với diện tích 391,4m² (*Nay là thửa số 158, 159 và 160*).

Bà N yêu cầu gia đình bà phải trả lại diện tích đất 184 m² thuộc thửa số 158 tờ bản đồ số 138 tại thôn T, xã L và hủy GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông L, bà không đồng ý, đề nghị Tòa căn cứ theo pháp luật để giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện N – ông Đoàn Văn H tại giai đoạn sơ thẩm trình bày:

Ngày 14/12/2007, ông Dzango Gia L có làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất diện tích 391,4m² tại thôn T, xã L, huyện N, đất có nguồn gốc sử dụng là đất khai hoang từ năm 1973, xây nhà ổn định cho đến nay, không tranh chấp, phù hợp với quy hoạch, có xác nhận của UBND xã L. Sau khi xem xét hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ và hiện trạng đất của ông L, ngày 08/3/2010 UBND huyện N đã cấp GCNQSDĐ số BA 248776 cho hộ ông L. Nay các đương sự có tranh chấp và yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BA 248776 cấp ngày 08/3/2010 cho hộ ông L, đề nghị Tòa căn cứ theo pháp luật giải quyết.

Bà Trần Thị H cũng là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Toàn Q trình bày:

Năm 2003, vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông L, bà S 01 thửa đất có chiều rộng 07m, dài khoảng 25m với giá là 21.000.000đồng tại thôn T, xã L, huyện N nhưng chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất. Nay bà N yêu cầu bà S phải trả lại thửa đất này, bà đề nghị tòa căn cứ theo pháp luật để giải quyết. Nếu thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của bà N, thì bà yêu cầu bà S phải trả lại cho bà giá trị đất, nhà và tài sản trên đất theo giá thị trường.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2016/DSST ngày 26/12/2016, Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Áp dụng: Điều 166 Luật đất đai năm 2013, Điều 34, 147, 156, 157, 158 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Chăm Lía Mơ N.

1. Buộc bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị H và ông Nguyễn Toàn Q phải trả lại diện tích đất 184m² thuộc thửa số 158, tờ bản đồ số 138 tại thôn T, xã L, huyện N.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Toàn Q phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất gồm: 01 căn nhà gỗ tạp, lợp tol diện tích 12,48m², mái tol diện tích 57,52m² và 01 căn nhà xây cấp 4c diện tích 35,2m² để trả lại mặt bằng đất cho bà Chăm Lía Mơ N.

3. Hủy GCNQSDĐ số BA 248776 ngày 08/3/2010 do UBND huyện N cấp cho hộ ông Dzango Gia L tại thôn T, xã L, huyện N.

4. Bà Nguyễn Thị S phải hoàn lại cho bà Chăm Lía Mơ N 2.500.000đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo.

Ngày 09/01/2017, bị đơn Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức: đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị S gửi đến Tòa án ngày 09/01/2017 còn trong hạn luật định, phù hợp với Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Chăm Lía Mơ T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đại diện theo ủy quyền của bị đơn có kháng cáo – bà Dzango Nguyên A Dam S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” và “*Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và kết quả tranh luận của các đương sự; Trợ giúp viên pháp lý; phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2] Về nguồn gốc đất tranh chấp: ông Ya Ngõ Ha T được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ số D 0777177 ngày 27/7/1994 diện tích 5.600m² đất tại thôn T, xã L, huyện N, nguồn gốc đất ghi là khai hoang. Trong tổng số 5.600m² đất, các bên hiện tranh chấp 184m² thuộc thửa số 158, tờ bản đồ số 38, xã L.

Năm 1995, ông A (cha bà T) cho ông Dzango Gia L 100m² đất tại thửa số 160 (*Chỉ nói bằng miệng, không có giấy tờ*). Ông L đã kê khai để UBND huyện N cấp GCNQSDĐ số BA 248776 ngày 08/3/2010 diện tích 391.4m² (*Gồm thửa*

số 160, một phần thửa số 158, 159 của gia đình ông A). Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông L kê khai không trung thực để được cấp GCNQSDĐ là có căn cứ.

[3] Về GCNQSDĐ số BA 248776 ngày 08/3/2010 của UBND huyện N: trình tự, thủ tục cấp là đúng pháp luật. Về nội dung, do ông L kê khai không trung thực nên UBND huyện N cấp GCNQSDĐ cho hộ ông L trên phần đất của ông T đã được cấp GCNQSDĐ số D 077717 ngày 21/7/1994 là vi phạm pháp luật đất đai. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm hủy GCNQSDĐ số BA 248776 ngày 08/3/2010 là có cơ sở.

[4] Năm 2003, ông L và bà Nguyễn Thị S đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà Trần Thị H, ông Nguyễn Toàn Q 184m² đất, thuộc thửa số 158, tờ bản đồ số 138, xã L. Việc chuyển nhượng là trái pháp luật đất đai vì đây là đất của gia đình bà N đã được cấp GCNQSDĐ. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà S, bà H và ông Q phải trả lại diện tích đất 184m² cho gia đình bà N là đúng pháp luật.

[5] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H có yêu cầu độc lập, yêu cầu bà S phải trả cho bà H giá trị đất, nhà và tài sản trên đất theo giá thị trường. Cấp sơ thẩm cho rằng do bà H không nộp tạm ứng án phí nên Tòa không xét yêu cầu của bà H là giải quyết vụ án không triệt để và có sự mâu thuẫn. Bởi lẽ, Tòa án sơ thẩm buộc vợ chồng bà H, ông Q tháo dỡ các công trình, vật kiến trúc trên đất để trả lại cho hộ bà N 184m² đất là đã giải quyết tài sản của vợ chồng ông Q, bà H nhưng không đề cập đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông Q, bà H là có thiếu sót.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, đối với tài sản trên thửa đất 158 gồm: 01 căn nhà gỗ tạp lợp tol diện tích 12,48m²; mái tol diện tích 57,52m²; 01 căn nhà cấp 4c diện tích 35,2m²; nền xi măng diện tích 57,52m². Theo biên bản định giá tài sản ngày 30/6/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng dân sự huyện N kết luận tổng trị giá tài sản là: 74.140.000đồng. Sau khi nhận chuyển nhượng, tháng 02/2007, bà H, ông Q xây dựng nhà ở và vật kiến trúc khác trên thửa đất số 158. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2017, phía nguyên đơn khai rằng: *khi bà H, ông Q xây nhà trên thửa đất số 158, gia đình bà N có biết và có phản đối. Gia đình bà N nhiều lần làm đơn gửi UBND xã L nhưng UBND xã không giải quyết. Gia đình bà N không còn lưu giữ những đơn từ này.* Tại biên bản xác minh ngày 12/5/2017, UBND xã L đã khẳng định: *gia đình bà N không có đơn thư gì yêu cầu UBND xã L giải quyết tranh chấp với bà H, ông Q tại thời điểm ông Q, bà H xây dựng các công trình, vật kiến trúc trên đất.* Như vậy, khi bà H, ông Q xây dựng nhà ở và vật kiến trúc trên thửa đất số 158 từ năm 2007, có cơ sở khẳng định phía nguyên đơn có biết nhưng không phản đối gì. Cho đến năm 2014, phía nguyên đơn mới phát sinh tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ sửa một phần án sơ thẩm: hộ bà N được giao quyền sở hữu các tài sản trên thửa đất số 158 và có trách nhiệm hoàn trả lại giá trị các tài sản này cho bà H, ông Q. Hộ bà N phải hoàn trả lại cho bà H, ông Q số tiền 74.140.000đồng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa vợ chồng bà H, ông Q với vợ chồng bà S, ông L. Do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự riêng biệt khi các bên có yêu cầu.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bà N được hoàn trả 2.500.000 đồng chi phí thẩm định, định giá tài sản là phù hợp pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong khi không xét yêu cầu độc lập của bà H là không đúng quy định.

Từ các nội dung trên, xét thấy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn – bà Nguyễn Thị S về việc hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2016/DSST ngày 26/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

1. Buộc **hộ bà** Nguyễn Thị S, bà Trần Thị H và ông Nguyễn Toàn Q trả lại diện tích đất 184m² thuộc thửa số 158, tờ bản đồ số 138 tại thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cho hộ bà Chăm Lía Mơ N. Đất có vị trí tứ cận: Đông giáp đất ruộng thửa số 159, Tây giáp thửa số 157, Nam giáp Quốc lộ 27, Bắc giáp thửa số 145.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 248776 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 08/3/2010 cho hộ ông Dzango Gia L tại thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Giao cho hộ bà Chăm Lía Mơ N được quyền sở hữu tài sản trên 184m² đất thửa số 158, tờ bản đồ số 138 tại thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, gồm: 01 căn nhà gỗ tạp lợp tol diện tích 12,48m²; 01 mái tol diện tích 57,52m²; 01 căn nhà cấp 4c diện tích 35,2m²; 01 nền xi măng diện tích 57,52m².

4. Buộc **hộ bà** Chăm Lía Mơ N hoàn lại cho bà Trần Thị H, ông Nguyễn Toàn Q số tiền trị giá tài sản trên 184m² đất thuộc thửa số 158, tờ bản đồ số 138 tại thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là 74.140.000đồng (*Bảy mươi bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*).

5. Buộc **hộ bà** Nguyễn Thị S hoàn lại cho bà Chăm Lía Mơ N 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

- Buộc **hộ bà** Nguyễn Thị S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm;

- Buộc bà Chăm Lía Mơ N phải chịu 3.707.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm linh bảy nghìn đồng*) **án phí dân sự sơ thẩm** nhưng được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 7681 ngày 29/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Hoàn lại chênh lệch cho bà Chăm Lía Mơ N số tiền 6.293.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng*). Bà Chăm Lía Mơ N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 18/5/2017./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- TAND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- Các đương sự; người đại diện;
- HCTP; KTNV;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thành